

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

-----***-----

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

Bản án số: 217/2019/HC-PT

Ngày: 10/9/2019

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính về
quản lý đất đai*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Chính;

Ông Mai Anh Tài.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao: Ông Bùi Ngọc Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý số 458/2018/TLPT-HC ngày 25 tháng 12 năm 2018 về khiếu kiện “Quyết định hành chính về quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2018/HCST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8422/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955; cư trú tại: Tổ dân phố K, phường Đ, quận A, thành phố H; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1960; cư trú tại: Tổ dân phố K, phường Đ, quận A, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2017); có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận A, thành phố H;

Địa chỉ: Số 2 đường C, quận A, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Q - Chủ tịch UBND quận A, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Lương T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng (theo văn bản ủy quyền ngày 12/9/2017); có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Ngô Đức T, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ dân phố K, phường Đ, quận A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị M sử dụng diện tích 93,58m² tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 11, phường Đ, quận A, thành phố H. Nguồn gốc đất là của Xí nghiệp gạch O do cụ Vũ Thị D tự ý sử dụng để trồng rau trước năm 1993, sau đó cụ D đã giao quyền sử dụng cho vợ chồng con trai là ông Ngô Hảo C, vợ là bà Nguyễn Thị M. Năm 2001, ông Ngô Hảo C chết, đến năm 2004 bà Nguyễn Thị M xây dựng nhà trên diện tích đất này. Ủy ban nhân dân (UBND) phường Đ đã xử lý hành chính và tổ chức cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm nhưng phần móng nhà không tháo dỡ. Năm 2011 bà M tiếp tục xây dựng nhà cho mẹ chồng là cụ D ở đó. Khi cụ D chết thì con trai bà M là Ngô Đức T sinh sống trong căn nhà này.

Ngày 19/4/2017, UBND quận A ban hành Quyết định số 679/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố H tại phường Đ, quận A, trong đó có 93,58m² trên được xác định là đất hoang bằng do UBND phường Đ quản lý.

Ngày 19/4/2017, UBND quận A ban hành Quyết định số 678/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình bà Nguyễn Thị M. Theo đó, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 179.477.414 đồng, bao gồm: Hỗ trợ về đất là 26.613.100 đồng; bồi thường về vật kiến trúc là 148.525.314 đồng; bồi thường về cây cối hoa màu là 2.339.000 đồng; thưởng bàn giao mặt bằng là 2.000.000 đồng.

Ngày 17/8/2017, bà Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H hủy Quyết định thu hồi đất số 679/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 678/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của UBND quận A đối với hộ gia đình bà. Bà yêu cầu được bồi thường về đất theo giá đất ở và cấp cho gia đình bà 01 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2018/HCST ngày 25/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Điều 62, 66, 69, 74, 75, 76 Luật Đất đai năm 2013;

- Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 679/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 và Quyết định phê

duyet phương án bồi thường, hỗ trợ số 678/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của UBND quận A, thành phố H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 04/10/2018, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Ngô Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 678/QĐ-UBND và Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của Ủy ban nhân dân quận A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 17/8/2017 bà Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 và Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của UBND quận A là đúng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 và Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của UBND quận A:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành: UBND quận A ban hành Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 về việc thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất số 678/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành: Ngày 25/02/2011, UBND thành phố H ban hành Thông báo số 55/TB-UBND thông báo về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố H (hạng mục xây dựng tuyến đường Bắc Sơn - Nam Hải) đã quyết định thu hồi 115.039m² đất tại phường Q, phường Đ, quận A, thành phố Hải Phòng. Thực hiện Thông báo số 55/TB-UBND của UBND thành phố Hải Phòng, UBND quận A chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất quận ban hành Kế hoạch số 01/KH-TTPTQĐ ngày 04/02/2013 về triển khai kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm tại khu vực K, phường Đ. Ngày 26/4/2013, UBND quận A đã chỉ đạo họp các hộ dân có đất

nằm trong vị trí thu hồi thông báo quyết định thu hồi đất của UBND thành phố đến tất cả các hộ dân. Ngày 04/7/2013, Tổ công tác UBND quận A đã tổ chức kiểm kê vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên diện tích đất thu hồi đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị M. Căn cứ báo cáo nguồn gốc sử dụng đất của UBND phường Đ và Tờ trình số 29/TTr-TNMT ngày 19/4/2017 của Phòng Tài nguyên Môi trường quận về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ dân thuộc phạm vi thu hồi đất, ngày 19/4/2017, UBND quận A ban hành Quyết định số 679/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 678/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị M là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai.

[2.3] Về căn cứ ban hành các quyết định:

[2.3.1] Nguồn gốc diện tích 93,58m² đất bị thu hồi: Theo Báo cáo số 08/BC-UBND ngày 12/01/2017 và Báo cáo số 26/BC-UBND ngày 07/4/2017 của UBND phường Đ, quận A, thành phố H thì diện tích 93,58m² bị thu hồi thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 11 là đất có nguồn gốc của Xí nghiệp gạch O. Sau khi Xí nghiệp giải thể các hộ dân tự ý sử dụng không được sự đồng ý của chính quyền địa phương. Thửa đất này do UBND phường Đ quản lý theo hồ sơ địa chính và bản đồ địa chính năm 1997. Tại Sổ Mục kê năm 1997 và Sơ đồ địa chính năm 1997 thì thửa đất số 74, tờ bản đồ số 11 có diện tích là 375,1m², tên chủ sử dụng đất là UBND phường Đ. Từ khi khai hoang, lấn chiếm đến nay gia đình bà M chưa bao giờ đứng tên trong sổ mục kê hay bản đồ địa chính đối với mảnh đất này. Năm 1993, sau khi khai hoang lấn chiếm sử dụng trồng rau, bỏ không, năm 2004 gia đình bà M tự xây dựng nhà trái phép đã bị UBND phường Đ xử lý hành chính và cưỡng chế tháo dỡ.

[2.3.2] Năm 2011, vào thời điểm UBND thành phố ban hành Thông báo số 55/TB-UBND thông báo về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố H, gia đình bà M tiếp tục xây dựng nhà trái phép và ở đó cho đến khi bị thu hồi. Như vậy, diện tích bị thu hồi của hộ gia đình bà M không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013. Đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu về nhà ở gắn liền với đất cho hộ gia đình cá nhân mà người sử dụng đất không có giấy tờ sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 thì hộ gia đình bà M cũng không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai. Việc bà M cho rằng diện tích đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bà là không có căn cứ. Vì vậy, UBND quận A ban hành Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 về việc thu hồi diện tích 93,58m² đất thuộc sự quản lý của UBND phường Đ, là đúng quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Toà án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà M là đúng.

[2.3.3] Về bồi thường, hỗ trợ về đất: UBND quận A căn cứ vào điểm 2.5.1 quy định về chính sách bồi thường đối với đất ở không hợp pháp của Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư năm 2010 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 125/TTG-KTN ngày 26/01/2011; sửa đổi khung chính sách năm 2016 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 1801/TTg-KTN ngày 11/10/2016; Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố H quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H; Quyết định số 2970/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 ban hành quy định về bảng giá đất thành phố H 05 năm (2015 - 2019) nên đã tính bằng 30% giá đất ở trong bảng giá đất tại vị trí 4 là $2.400.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 30\% = 720.000\text{đ}/\text{m}^2$ trên phần diện tích $32,28\text{m}^2$ có công trình xây dựng nhà ở. Diện tích còn lại hỗ trợ bằng 50% giá đất trồng cây lâu năm là $55.000\text{đ}/\text{m}^2$. Tổng số tiền được hỗ trợ về đất là 26.613.100 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Hiện tại hộ bà M đang có nhà ở ổn định tại Tổ dân phố K, phường Đ nơi có đất bị thu hồi, anh Toàn ở cùng hộ khẩu với bà M. Vì vậy, việc bà M yêu cầu bồi thường theo giá đất ở đô thị và cấp cho gia đình bà 01 lô đất tái định cư là không có căn cứ.

[2.3.4] Về vật kiến trúc trên đất: Căn nhà một tầng mái tôn có diện tích $32,28\text{m}^2$ được bà M xây dựng trước khi công bố Thông báo số 55/TB-UBND của UBND thành phố H về việc thu hồi đất thực hiện dự án. Vì vậy, việc UBND quận A kiểm kê và bồi thường, hỗ trợ 100% vật kiến trúc với tổng số tiền là 148.525.314 đồng là đúng với quy định tại Khung chính sách phát triển giao thông đô thị thành phố H và Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND thành phố H về việc ban hành bộ đơn giá vật kiến trúc phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H.

[2.3.5] Về cây cối, hoa màu: UBND quận A bồi thường 100% cây cối hoa màu với tổng số tiền là 2.339.000 đồng. Việc kiểm kê và bồi thường trên là đúng và phù hợp với quy định tại Điều 18 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố H và Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 của UBND thành phố H về việc ban hành tập đơn giá cây trồng, vật nuôi thủy sản, chi phí đầu tư vào đất nuôi trồng thủy sản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H.

[2.3.6]. Về các khoản hỗ trợ khác: Do hộ bà M chấp hành kiểm kê, bàn giao mặt bằng đúng tiến độ nên UBND quận A đã hỗ trợ cho gia đình bà 2.000.000 đồng. Đồng thời chủ đầu tư đã hỗ trợ cho gia đình bà 50.000.000 đồng là đã đảm bảo quyền và lợi ích của gia đình bà.

[2.3.7] Đất của hộ bà M đang sử dụng là do lấn, chiếm đất; khi sử dụng đất làm nhà, cơ quan nhà nước đã có văn bản ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về đất đai thì khi Nhà nước thu hồi không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Trường hợp hộ bà

M và anh Toàn không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, phải di chuyển chỗ ở mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn phường nơi có đất thu hồi thì được xem xét giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013, khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

[2.4]. Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Ngô Thị N.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị N; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2018/HCST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình